

Số: /BC-THPTNQ

Đà Nẵng, ngày tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO
công khai trong hoạt động giáo dục tháng 6 năm 2025

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng;
- Các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng.

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) quy định về công khai trong hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục (CSGD) thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường trung học phổ thông (THPT) Ngô Quyền báo cáo kết quả thường niên năm 2024 cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên CSGD

Trường THPT Ngô Quyền

2. Thông tin liên lạc

- Địa chỉ: số 57 đường Phạm Cự Lượng phường An Hải Nam quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng.

- Số điện thoại: 0236.383.1369.

- Cổng thông tin điện tử: <http://thptngoquyendn.edu.vn>.

3. Loại hình giáo dục

Loại hình công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi

- Sứ mạng: xây dựng môi trường học tập và rèn luyện có nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục ngày càng nâng cao để học sinh có cơ hội phát triển năng lực bản thân.

- Tầm nhìn: là một trong những trường THPT ngày càng khẳng định chất lượng, khẳng định vị trí của mình, được học sinh địa bàn lựa chọn để học tập và rèn luyện.

- Giá trị cốt lõi: Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, vượt lên chính mình, phát triển bền vững.

5. Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 1975: Trường bổ túc cho cán bộ tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng

- Các tên gọi qua các thời kỳ:

- + Trường Bổ túc công nông
- + Trường Bổ túc cán bộ Thành Phố Đà Nẵng
- + Phân hiệu 2 Trường phổ thông trung học (PTTH) Hoàng Hoa Thám
- Năm 1997: Trường PTTH bán công Ngô Quyền
- Năm 2008: Trường THPT Ngô Quyền.

6. Người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Đặng Công Vĩnh
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Nơi làm việc: Trường THPT Ngô Quyền
- Số điện thoại: 0905.978.958
- Email: vinhdang29@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.
- Các tổ gồm 07 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.
- Các tổ chức, đoàn thể gồm có:
 - + Chi bộ trường THPT Ngô Quyền
 - + Hội đồng trường THPT Ngô Quyền
 - + Công đoàn trường THPT Ngô Quyền
 - + Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trường THPT Ngô Quyền
 - + Chi hội Khuyến học trường THPT Ngô Quyền
 - + Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường THPT Ngô Quyền
 - + Ban đại diện ban liên lạc cựu học sinh trường THPT Ngô Quyền.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

	Viên chức, người lao động	Nhà giáo	Cán bộ quản lí	Nhân viên
Tổng cộng	91	77	03	11
Biên chế	84	76	03	05
Hợp đồng	07	01	0	06
Nữ	73	63	02	08
Đảng viên	39	33	03	03
Tiến sĩ	01	0	01	0
Thạc sĩ	17	15	02	0
Đại học	64	62	0	02
Đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định		77/77 (100%)	03/03 (100%)	

Hoàn thành bồi dưỡng hàng năm	91/91 (100%)	77/77 (100%)	03/03 (100%)	10/11 (90.9%)
-------------------------------------	--------------	-----------------	--------------	------------------

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích đất

STT	Nội dung	Số lượng	Đối chiếu yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Tổng số diện tích đất (m²)	9457,5	6,48 m ² /HS (đạt)
2	Diện tích phòng học (m ²)	522	Đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định
3	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	352	
4	Diện tích thư viện (m ²)	74.1	
5	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	6468.5	

2. Số lượng, hạng mục khối phòng

STT	Nội dung	Số lượng	Đối chiếu yêu cầu tối thiểu theo quy định
I.	Khối phòng hành chính quản trị	01	Đảm bảo
II.	Khối phòng học		Đảm bảo
1	Phòng học kiên cố	19	
2	Bình quân lớp/phòng học	2	
3	Bình quân học sinh/lớp	38.4	
III.	Khối phòng hỗ trợ học tập		Đảm bảo
1	Số phòng học bộ môn	04	
2	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	02	
IV.	Khối phụ trợ	0	
V.	Khu sân chơi, thể dục thể thao	1	Đảm bảo
VI.	Khối phục vụ sinh hoạt	0	
1	Nhà vệ sinh giáo viên	3	Đảm bảo
2	Nhà vệ sinh học sinh nam	3	
3	Nhà vệ sinh học sinh nữ	3	
VII.	Hạ tầng kỹ thuật		Đảm bảo
1	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1	
2	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		
3	Kết nối internet (ADSL)	1	
4	Trang thông tin điện tử (website) của trường	1	
5	Tường rào xây	bao quanh	

3. Số thiết bị dạy học hiện có

STT	Thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Số lượng	Đối chiếu yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Khối lớp 10	178	Đảm bảo
2	Khối lớp 11	130	
3	Khối lớp 12	138	
4	Thiết bị dùng chung	68	
5	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	80	
6	Ti vi	15	
7	Cát xét	06	
8	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (KĐ CLGD)

1. Tự đánh giá

- Kết quả tự đánh giá KĐ CLGD: mức độ 1.
- Kết quả thực hiện Kế hoạch cải tiến CLGD sau tự đánh giá: đạt.

2. Đánh giá ngoài

- Kết quả đánh giá và được công nhận: mức độ 1.
- Thời hạn đánh giá lại: tháng 02/2026.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin kết quả giáo dục thực tế

a) Tuyển sinh lớp 10

	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
Số lượng tuyển sinh	530	402
Điểm chuẩn	46.25	11

b) Số lượng học sinh năm học 2024-2025

Khối	Số lượng HS	Số HS bình quân/lớp	Số HS học 2 buổi/ngày	Nam	Nữ	HS Dân tộc thiểu số	HS khuyết tật	Số HS chuyển đi	Số HS tiếp nhận học tại trường
Tổng	1455	42,79	0	652	803	11	24	17	3
10	528	44	0	242	286	4	8	4	0
11	468	42,55	0	200	268	4	10	10	3
12	459	41,73	0	210	249	3	6	3	0

3. Chất lượng giáo dục năm học 2024-2025

a) Học tập

	Sĩ số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Toàn trường	1455	868	59,66	566	38,90	21	1,44	0	0

Khối 10	528	251	45,54	269	50,95	8	1,52	0	0
Khối 11	468	284	60,68	174	31,18	10	2,14	0	0
Khối 12	459	333	72,55	123	26,80	3	0,65	0	0

b) Rèn luyện/Hạnh kiểm

	SỐ SỐ	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Toàn trường	1455	1403	96,43	48	3,30	3	0,21	1	0,07
Khối 10	528	502	95,07	23	4,36	3	0,57	0	0
Khối 11	468	451	96,37	17	3,63	0	0	0	0
Khối 12	459	450	98,04	8	1,74	0	0	1	0,22

c) Thống kê số liệu lên lớp, dự thi tốt nghiệp

- Học sinh được lên lớp 11, 12: 996/996 (100%).
- Học sinh được dự thi tốt nghiệp: 458/459 (99,78%).
- Học sinh đỗ tốt nghiệp THPT: chưa thi.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

a) Các khoản thu, chi năm 2024

Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): 14.794.126.200 đồng. Trong đó:

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (Nguồn 13): 12.893.248.000 đồng
- Kinh phí không thường xuyên (Nguồn 12): 835.219.000 đồng
- Kinh phí thực hiện CCTL (Nguồn 15): 864.969.200 đồng
- Kinh phí thu phí vệ sinh học đường: 81.290.000 đồng
- Kinh phí ôn tập lớp 12: 119.400.000 đồng
- Kinh phí cho thuê mặt bằng làm căn tin: 80.098.000 đồng.
- Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...): 13.013.599.537 đồng.
- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...): 1.422.797.961 đồng.
- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...): 262.510.000 đồng.

- Chi khác: 95.218.702 đồng.

b) Các khoản thu chi từ đầu năm 2025 đến nay

Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): 21.139.018.000 đồng. Trong đó:

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (Nguồn 13): 19.322.218.000 đồng

- Kinh phí không thường xuyên (Nguồn 12): 873.872.000 đồng

- Kinh phí thực hiện khen thưởng NĐ73 (Nguồn 18): 942.928.000 đồng

- Kinh phí cho thuê mặt bằng làm căn tin: 80.098.000 đồng.

- Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...): 16.219.450.000 đồng.

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...): 2.341.268.000 đồng.

- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...): 5.500.000 đồng.

- Chi khác: 756.000.000 đồng.

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

a) Năm 2024

- Hỗ trợ chi phí học tập cho 105 học sinh thuộc đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ, học sinh khuyết tật không thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh thuộc diện hộ nghèo với số tiền: 53.400.000 đồng.

- Hỗ trợ học bổng và mua sắm phương tiện đồ dùng dạy học cho 04 học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, cận nghèo với số tiền: 41.880.000 đồng.

b) Năm 2025

- Hỗ trợ chi phí học tập cho 26 học sinh thuộc đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ, học sinh khuyết tật không thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh thuộc diện hộ nghèo với số tiền: 19.500.000 đồng.

- Hỗ trợ học bổng và mua sắm phương tiện đồ dùng dạy học cho 03 học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, cận nghèo với số tiền 29.580.000 đồng.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): không.

4. Các công khai khác: Thực hiện theo TT90.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thành tích của học sinh

Trong năm học 2024-2025 nhà trường cũng đã tham gia, tổ chức các Hội thi, cuộc thi trong nhà trường cũng như tham gia các cuộc thi, hội thi cấp thành phố.

a) Cấp khu vực, thành phố:

- Học sinh giỏi lớp 12: 81 giải: (07 giải Nhất, 15 giải nhì, 24 giải Ba và 35 giải Khuyến khích).

- Tin học trẻ cấp thành phố: 02 giải Nhì, 04 giải Ba, 01 giải Khuyến khích.

- Tin học Olympic miền Trung và Tây Nguyên: 02 giải (01 giải ba, 01 giải Khuyến khích).

- Cuộc thi KHKT cấp thành phố: 03 giải (01 giải Nhì, 02 giải Khuyến khích)

- Thi Olympic truyền thống 30/4 tại TP Hồ Chí Minh: 06 giải (03 Huy chương Bạc, 03 Huy chương Đồng).

- Tham gia Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh: Giải cá nhân: 21 giải (15 giải Nhất, 03 giải Nhì, 01 giải Ba, 02 giải Khuyến khích); Vị thứ Nhì toàn đoàn.

- Giải thể thao học sinh thành phố: 04 giải (03 HC Bạc đồng đội, 01 HC Bạc cá nhân); Vị thứ 6 toàn đoàn.

- Giải Nhất cuộc thi “An toàn giao thông” do Sở GDĐT phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Ủy ban An toàn giao thông tổ chức.

b) Thành Đoàn tổ chức

- Cuộc thi Ý tưởng Ứng dụng công nghệ trong công tác đảm bảo an toàn giao thông năm 2024: 01 giải Nhất.

- Cuộc thi vẽ tranh “Thành phố xanh trong mắt em”: 1 giải Ba, 1 giải KK.

- Cuộc thi nhảy Vũ điệu xanh Đà Nẵng năm 2024: Giải Khuyến khích đồng đội

- Dự án “Xây dựng trường học an toàn, sạch, xanh, có khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu năm 2024”: Giải Ba đồng đội

- Cuộc thi Thiết kế infographic tuyên truyền về An toàn giao thông: Giải Khuyến khích

- Cuộc thi Nhảy hiện đại 2025: Giải Khuyến khích đồng đội

- Cuộc thi nhảy Kpop “Cover Dance Festival”: Giải Ba đồng đội

- Cuộc thi Thiết kế và xây dựng mô hình nhà chống bão lũ năm 2025: Giải Nhì đồng đội, giải KK đồng đội

- Cuộc thi Xếp sách nghệ thuật năm 2025: Giải Ba đồng đội

c) Quận đoàn tổ chức

- Cuộc thi Thiết kế ấn phẩm tuyên truyền Luật Quảng cáo và những trường hợp cấm trong hoạt động quảng cáo: 01 Giải Ba;

- Liên hoan ban nhóm nhảy năm 2025: Giải Nhì đồng đội

- Giải thể thao học sinh cấp quận năm học 2024-2025: 01 giải Ba.

d) Cấp trường

- Tổ chức Cuộc thi KHKT cấp trường năm học 2024-2025 với 15 sản phẩm được xếp giải gồm có: 01 giải Nhất, 03 giải Nhì, 05 giải Ba và 06 giải Khuyến khích.

- Giải thể thao học sinh cấp trường: tổ chức thi đấu môn Bóng đá nam, Bóng rổ nam, Bóng rổ nữ.

- Kỳ thi Olympic lần thứ nhất năm 2025 cấp trường cho học sinh Khối lớp 11 và 10 với kết quả giải cá nhân có 30 HC Vàng, 53 HC Bạc 79 HC Đồng và 143 giải Khuyến khích; giải tập thể có 02 giải Nhất, 02 giải Nhì, 02 giải Ba và 04 giải Khuyến khích.

2. Thành tích của giáo viên

- Nhà trường cũng đã tổ chức phong trào viết sáng kiến trong cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường với kết quả có 29 sáng kiến xếp loại A. Sáng kiến được Sở GDĐT công nhận: 2 sáng kiến loại B, 20 sáng kiến loại C.

- Số cán bộ, giáo viên, nhân viên được công nhận Chiến sĩ thi đua cơ sở: 40 người.

Trên đây là Báo cáo 6 tháng đầu năm 2025 về công khai trong hoạt động giáo dục của trường THPT Ngô Quyền./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng;
- Thông báo cơ quan;
- Website;
- Lưu: VT, PHT (Nguyệt).

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Công Vĩnh

\